

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09 - 02 - 2018
“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tiêu Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Bà Phạm Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 483/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Minh Th, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp 12, xã N, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trương Thị Ph, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Ấp K, xã Q, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tại phiên tòa anh Th có mặt, chị Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Minh Th trình bày:

Về hôn nhân: Anh với chị Trương Thị Ph tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt

hàng ngày, chị Ph không quan tâm lo lắng gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt, chị Ph về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2014 và đã ly thân cho đến nay, nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Ph.

Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Trần Chí H sinh ngày 23/10/2012, hiện cháu H do anh đang nuôi dưỡng, khi ly hôn anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh Th xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Anh Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho chị Trương Thị Ph, hai lần thông báo hòa giải và hai lần triệu tập xét xử nhưng chị Ph không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của anh Th, không tham gia hòa giải và xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Ph.

[2] Về hôn nhân: Anh Th với chị Ph chung sống với nhau năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Đ. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa anh Trần Minh Th với chị Trương Thị Ph được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo anh Th xác định trong thời gian chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, chị Ph không quan tâm lo lắng gia đình và chị Ph về cha mẹ ruột sống, hiện tại mỗi người có cuộc sống riêng, không ai còn có trách nhiệm với ai từ năm 2014 cho đến nay. Tại phiên tòa, anh Th xác định không còn tình cảm với chị Ph và không thể tiếp tục chung sống với chị Ph được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với chị Ph; đối với chị Trương Thị Ph, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của anh Th, nhưng chị Ph không có ý kiến gì đối với yêu cầu của anh Th, điều này cho thấy chị Ph đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa.

Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa anh Th với chị Ph đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh Th cho anh Th được ly hôn với chị Ph là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống anh Th và chị Ph có 01 người con chung tên Trần Chí H sinh ngày 23/10/2012, hiện anh Th đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H; đối với chị Ph không ý kiến gì về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi chị Ph và anh Th ly thân cho đến nay cháu H do anh Th trực tiếp nuôi dưỡng và cháu H vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu H cho anh Th được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con anh Th không yêu cầu; đối với chị Ph không ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản: Anh Th xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị Ph không có ý kiến gì về tài sản, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Anh Th xác định vợ chồng không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với chị Ph không có ý kiến gì về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Th, cho anh Trần Minh Th được ly hôn với chị Trương Thị Ph.

- Về con chung: Giao cháu Trần Chí H sinh ngày 23/10/2012 cho anh Th được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu H tròn 18 tuổi. Chị Ph có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Trần Minh Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Th đã dự nộp 300.000 đồng tại biên lai số 0009344 ngày 27/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- THA huyện Đầm Dơi;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Q, huyện Đ, T.Cà Mau;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tiêu Hồng Phụng